

mf

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78 /2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng
tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông
đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa**

Căn cứ Nghị định số 152/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; Nghị định số 44/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt và Nghị định số 09/2005/NĐ-CP ngày 27/01/2005 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông;

Căn cứ Nghị định số 124/2005/NĐ-CP ngày 06/10/2005 của Chính phủ quy định về biên lai thu tiền phạt và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, nộp tiền phạt, quản lý, sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (gọi tắt là tiền thu phạt vi phạm hành chính) như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Thông tư này quy định việc thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Riêng đối với lĩnh vực hàng hải, hàng không, việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn khác.

2. Toàn bộ tiền thu phạt vi phạm hành chính được để lại 100% cho địa phương để sử dụng cho công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông (viết tắt là TTATGT), chống ùn tắc giao thông.

Ngoài những khoản tiền thu phạt vi phạm hành chính nêu trên, trong quá trình thực hiện chủ trương của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về các biện pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nếu có phát sinh các khoản thu khác thì được để lại 100% cho địa phương sử dụng phục vụ công tác bảo đảm TTATGT. Việc phân bổ, sử dụng và mức chi cụ thể do Ban an toàn giao thông của tỉnh phối hợp với Sở Tài chính đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

II. THU, NỘP TIỀN PHẠT, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN LAI THU TIỀN PHẠT VÀ HẠCH TOÁN TIỀN THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Thu, nộp tiền phạt, quản lý, sử dụng biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính:

Việc thu, nộp tiền phạt, quản lý, sử dụng biên lai thu tiền phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 124/2005/NĐ-CP ngày 6/10/2005 của Chính phủ quy định về biên lai thu tiền phạt, quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính và quy định tại Phần A và khoản 1 Phần B Mục II Thông tư số 47/2006/TT-BTC ngày 31/5/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 124/2005/NĐ-CP.

2. Hạch toán tiền thu phạt vi phạm hành chính:

Định kỳ 15 ngày (đầu tháng, giữa tháng), căn cứ số tiền phạt thực tế thu được đã ghi thu ngân sách địa phương do Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo, Sở Tài chính tạm trích số tiền thu phạt vi phạm hành chính cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Mục III Thông tư này, tháng sau điều chỉnh theo thực tế. Nếu số tạm trích nhỏ hơn số được trích theo quy định, thì được trích tiếp cho đủ mức quy định; nếu số tạm trích lớn hơn số được trích theo quy định, thì trừ vào số được trích tháng sau.

III. PHÂN BỐ TIỀN THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Việc phân bổ tiền thu phạt vi phạm hành chính được thực hiện như sau:

1. Trích 50% cho lực lượng Công an tham gia giữ gìn TTATGT trên địa bàn.

2. Trích 15% cho lực lượng Thanh tra giao thông vận tải hoạt động tại địa phương để sử dụng cho công tác bảo đảm TTATGT của địa phương, bao gồm cả việc sử dụng để hỗ trợ kinh phí cho lực lượng Thanh tra giao thông vận tải của Trung ương đóng và hoạt động ổn định tại địa phương theo các

nội dung quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục IV Thông tư này. Trong đó, nếu tại địa phương có Trạm cân kiểm tra xe, Cảng vụ đường thủy nội địa đóng và hoạt động thì:

- Trích 2% cho Trạm cân kiểm tra xe nhưng tổng số tiền trích không quá 30% số thực thu tiền phạt nộp vào tài khoản tạm giữ phát sinh tại Trạm cân.

- Trích 2% cho Cảng vụ đường thủy nội địa nhưng tổng số tiền trích không quá 40% số thực thu tiền phạt nộp vào tài khoản tạm giữ phát sinh tại Cảng vụ.

Trạm cân kiểm tra xe, Cảng vụ đường thủy nội địa sử dụng nguồn kinh phí được trích trên cho các nội dung quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục IV Thông tư này.

3. Trích 13% cho Ban An toàn giao thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Trích 2% cho Kho bạc nhà nước ở địa phương thực hiện việc thu phạt.

5. Trích 10% cho các lực lượng khác trực tiếp tham gia vào công tác TTATGT tại quận, huyện, thành phố, thị xã và xã, phường, thị trấn (trừ lực lượng Công an và Thanh tra giao thông vận tải địa phương).

6. Số còn lại được nộp vào ngân sách địa phương để sử dụng cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại địa phương.

IV. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Việc quản lý, sử dụng tiền thu phạt vi phạm hành chính và mức chi cho từng đối tượng thực hiện như sau:

1. Phần kinh phí đối với lực lượng Công an; Thanh tra giao thông vận tải sau khi hỗ trợ cho Thanh tra giao thông vận tải Trung ương, trích cho Trạm cân kiểm tra xe, Cảng vụ đường thủy nội địa (nếu có) được coi là 100% và sử dụng như sau:

1.1) Dành từ 60% đến 80% để chi cho các nội dung:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TTATGT nhằm thực hiện mục tiêu kiểm chế, tiến tới giảm dần tốc độ gia tăng tai nạn giao thông đường bộ và ùn tắc giao thông;

b) Chi bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia công tác bảo đảm TTATGT:

+ Mức chi không quá 700.000 đồng/người/tháng;

+ Cán bộ, chiến sỹ trực tiếp tham gia công tác bảo đảm TTATGT ban đêm (bao gồm cả lực lượng Công an chống đua xe trái phép ban đêm) được bồi dưỡng thêm không quá 70.000 đồng/người/ca.

c) Chi hỗ trợ ban đầu cho cán bộ bị thương, tai nạn hoặc gia đình của cán bộ hy sinh khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

d) Chi thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn;

đ) Chi đào tạo, tập huấn, sơ kết, tổng kết công tác bảo đảm TTATGT;

e) Chi sửa chữa thiết bị, phương tiện, xăng dầu phục vụ công tác bảo đảm TTATGT;

g) Chi thông tin liên lạc, văn phòng phẩm và chi khác phục vụ công tác bảo đảm TTATGT.

1.2) Dành 20% đến 40% để mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo đảm TTATGT. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành.

1.3) Tỷ lệ phân bổ cụ thể để chi bồi dưỡng, mua sắm trang thiết bị bảo đảm trật tự an toàn giao thông của lực lượng lực lượng Công an và Thanh tra giao thông vận tải quy định tại khoản này do Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.

2. Đối với Ban An toàn giao thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được dùng để chi cho các nội dung:

- Chi bộ máy hoạt động của Ban An toàn giao thông;

- Chi hoạt động, kiểm tra liên ngành của Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Chi cho công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về TTATGT của địa phương;

- Chi tổ chức đào tạo các nghiệp vụ về an toàn giao thông cho các đối tượng trực tiếp tham gia bảo đảm TTATGT của địa phương;

- Chi cho sơ kết, tổng kết công tác bảo đảm TTATGT;

- Chi hỗ trợ khắc phục hậu quả tai nạn giao thông, hỗ trợ phục vụ công tác giải tỏa hành lang an toàn giao thông;

- Chi cho giáo dục pháp luật TTATGT trong trường học;

- Chi khác phục vụ công tác bảo đảm TTATGT.

Việc sử dụng kinh phí được phân bổ theo các nội dung trên do Ban An toàn giao thông đề nghị và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Đối với Kho bạc nhà nước

- Chi thực hiện việc thu tiền phạt;

- Chi cho cơ quan được Kho bạc nhà nước uỷ quyền thu phạt theo quy định;

- Chi in, ấn, mua sắm, sửa chữa trang, thiết bị phục vụ công tác thu tiền phạt;

- Chi khác phục vụ công tác bảo đảm TTATGT.

4. Đối với số thu còn lại được nộp vào ngân sách địa phương được sử dụng cho các nội dung sau:

- Bổ sung, hỗ trợ kinh phí mua sắm phương tiện, trang, thiết bị phục vụ cho công tác bảo đảm TTATGT ở địa phương;

- Bổ sung, hỗ trợ bồi dưỡng cho các lực lượng trực tiếp tham gia giữ gìn TTATGT;

- Chi bồi dưỡng cho các lực lượng khác huy động tham gia công tác giữ gìn TTATGT.

Việc sử dụng số thu tại khoản 5 Mục III và khoản này và do Sở Tài chính đề nghị và Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

5. Mức chi cụ thể cho các nội dung trên được thực hiện theo chế độ quy định của nhà nước, đối với những nội dung chưa quy định mức chi, Thủ trưởng đơn vị quyết định chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

V. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN VIỆC SỬ DỤNG TIỀN PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Lập kế hoạch sử dụng:

Các đối tượng được thụ hưởng tiền thu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Mục III nêu trên, căn cứ vào tình hình sử dụng tiền thu phạt của năm trước và tình hình thực tế thu phạt trong năm để lập kế hoạch sử dụng theo định mức, chế độ quy định gửi Sở Tài chính để thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch chi từ nguồn thu phạt vi phạm hành chính.

Sau khi Sở Tài chính đã tạm trích số tiền thu phạt cho các đối tượng thụ hưởng, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chuyển ngay số tiền đó vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước của các đối tượng này để sử dụng theo các nội dung quy định tại Mục IV của Thông tư này.

2. Quyết toán tiền thu phạt:

Kết thúc năm ngân sách, các đối tượng thụ hưởng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính làm quyết toán gửi Ban an toàn giao thông của tỉnh và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Số tiền thu phạt sử dụng không hết trong năm được chuyển sang năm sau sử dụng cho công tác bảo đảm TTATGT và bổ sung cho việc đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm TTATGT trên địa bàn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Thông tư số 25/2003/TT-BTC ngày 28/3/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý, sử dụng tiền thu từ xử phạt hành chính trong lĩnh vực TTATGT và Thông tư số 47/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2003/TT-BTC.

- Các Bộ, cơ quan Trung ương tham gia trực tiếp vào công tác bảo đảm TTATGT đang thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 106/2004/TT-BTC ngày 9/11/2004 của Bộ Tài chính về việc sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông do ngân sách Trung ương cấp cũng được áp dụng mức chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia công tác bảo đảm TTATGT quy định tại tiết b điểm 1.1 khoản 1 Mục IV Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước
- Website của Chính phủ
- Công báo;
- Website Bộ Tài chính
- Lưu: VT, Vụ Pháp chế.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Tá